

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HÓA  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST  
Ngày 08-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phúc An Hoàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tường Thị Thu

2. Bà Trần Thị Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang** tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2020/TLST - HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

**1. PHẠM VĂN T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/02/1992 tại huyện S, tỉnh Q;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có;

Tiền án; tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh T, *có mặt tại phiên tòa.*

**2. NGUYỄN THẾ A**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/6/1993 tại huyện Y, tỉnh B;

Nơi cư trú: Thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; vợ, con chưa có.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh T, *có mặt tại phiên tòa.*

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Q, *có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 04/11/2020, Phạm Văn T một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B1-057.... của ông Phạm Văn C (bố T) từ nhà đi ăn cưới ở cùng thôn. Sau khi ăn cưới xong, T gặp Nguyễn Thế A. T nói "*Có đi chơi không*" ý rủ đi mua ma túy để sử dụng, Thế A đồng ý, T bảo Thế A đến quán Karaoke Vũ K (thuộc thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh T) đợi, còn T một mình điều khiển xe mô tô đi đến khu vực Chợ N (thuộc thôn L, xã N, huyện H) thì gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ đang đứng ở cạnh đường, nhìn giống người nghiện ma túy. T đi đến gần hỏi và mua được 01 gói nhỏ, bên ngoài là túi nilon màu trắng, mép túi có viền màu đỏ, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy (loại Methamphetamine) với số tiền 800.000đ, mua được ma túy T cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đến trước quán Karaoke Vũ K nơi Thế A đang đợi, gặp Thế A, T đưa gói ma túy cho Thế A cầm để cùng T đi vào quán hát để hát và chia nhau sử dụng, nhưng chưa kịp vào quán thì bị tổ công tác Công an huyện C phát hiện bắt giữ cùng vật chứng là số ma túy và 01 xe mô tô biển kiểm soát 22B1-057.... (lúc này khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày).

Biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy ngày 05/11/2020, tại Công an huyện Chiêm Hóa đối với Phạm Văn T và Nguyễn Thế A, kết quả: (-) Âm tính với chất ma túy.

Kết luận giám định số 842/GĐKTHS ngày 09/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 0,273g (*không thấy hai bầy ba gam*).

Cáo trạng số 01/CT-VKSCH ngày 28/12/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố Phạm Văn T và Nguyễn Thế A về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 17, 58, 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Phạm Văn T từ 13 đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 17, 58, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Thế A từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

Hình phạt bổ sung phạt tiền: Các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, tăng trừ trái phép ma túy mục đích sử dụng cho bản thân không có vụ lợi, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt sau các mép dán có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T và Nguyễn Thế A, thành phần tham gia và 05 (Năm) hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Mặt trước ghi tang vật vụ Phạm Văn T và Nguyễn Thế A, giám định ngày 05/11/2020.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-057.... của ông Phạm Văn C (bố T), ông C không biết T sử dụng xe đi mua ma túy, do đó trả lại cho ông Phạm Văn C quản lý, sử dụng.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Phạm Văn T, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ, nên không có căn cứ đề nghị xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Cả hai bị cáo đều xác định đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo T và Thế A đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn C xác định chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 22B1-057.... thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Việc bị cáo T sử dụng xe mô tô có liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép ma túy ông không biết, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trả lại tài sản xe mô tô cho ông.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/11/2020, tại trước cửa quán Karaoke Vũ K (thuộc thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh T), Phạm Văn T và Nguyễn Thế A đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,273g (*Không phải hai bảy ba gam*), mục đích để sử dụng, đủ cơ sở xác định các bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, có tác hại cho sức khỏe của con người, là nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm tội, sa sút về kinh tế, gây đổ vỡ hạnh phúc gia đình..., nhưng các bị cáo đã đi ngược lại quy định của Nhà nước, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vi phạm pháp luật, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm đơn giản. Bị cáo T là người đề xuất, rủ rê và là người trực tiếp giao dịch mua ma túy; bị cáo Thế A đã hưởng ứng tích cực, tham gia cùng bị cáo T, sau khi T mua được ma túy, nhận ma túy vào quán hát để chia nhau sử dụng, do đó cùng chịu trách nhiệm về tổng khối lượng ma túy mà cơ quan chức năng thu giữ. Trước khi phạm tội các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhệm hình sự; được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thế A có bố đẻ ông Nguyễn Bá T được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, do đó cần phải áp dụng mức án tương xứng với vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời làm gương phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Vật chứng liên quan đến vụ án: Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A, xét thấy đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-057.... của ông Phạm Văn C mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ. Xét thấy xe mô tô trên là của ông Phạm Văn C, bị cáo T sử dụng xe mô tô thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ông C không biết, do đó trả cho ông Phạm Văn C quản lý, sử dụng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không có tính vụ lợi, các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Không thực hiện tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc cấm hành nghề làm công việc nhất định đối với các bị cáo.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Văn T, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38, 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Phạm Văn T, 01 (một) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 04/11/2020.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 38, 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Nguyễn Thế A, 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 04/11/2020.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A. Vật chứng là 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt sau các mép dán có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T và Nguyễn Thế A, thành phần tham gia và 05 (Năm) hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Mặt trước ghi tang vật vụ Phạm Văn T và Nguyễn Thế A, giám định ngày 05/11/2020.

Trả lại cho ông Phạm Văn C 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 22B1-057...., xe cũ đã qua sử dụng.

*Tình trạng vật chứng tịch thu tiêu hủy, trả lại cho chủ sở hữu theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.*

Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thế A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/02/2021.

### **Nơi nhận:**

- Bị cáo, người có QLNVLQ đến VA;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Phúc An Hoàn**